

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1- Bà Lê Thị L, sinh năm 1951

2- Bà Lê Thị T, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: khu phố M, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1954

Địa chỉ: ES. PARK TP W. MS. USA

2- Bà Lê Thị T2, sinh năm 1964

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

3- Ông Trần Kiên P, sinh năm 1969

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4- Ông Trần Kiên H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

5- Bà Trần Thị Bích P1, sinh năm 1968

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

6- Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

7- Bà Trần Thị Bích H2, sinh năm 1968

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

8- Ông Trần Hiếu C, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

9- Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1968

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

10- Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

11- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

12- Bà Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

13- Ông Trịnh Văn G, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà L, T, M, H3, B: Ông Hoàng Anh C, sinh năm 1954

Địa chỉ: đường N, phường Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đinh Trần Minh Đ, sinh năm 1995

Địa chỉ: khu T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà T2: Bà Lê Thị L, sinh năm 1951

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông V, bà H3: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà T: Luật sư Trần Đại N, công ty luật TNHH MTV Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G: Luật sư Lê Thị Bích C, công ty luật V, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1- Xác nhận phần đất còn lại theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và trích đo địa chính số 22-2019 ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, diện tích 8.218,7m² loại đất ở và đất cây lâu năm thuộc thửa 33-a, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 845604 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Lê Thị Mỹ H ngày 31/3/2004 là di sản của cụ Lê Văn H và cụ Huỳnh Thị B.

- Chia thừa kế phần đất diện tích 4.108,7m² tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và trích đo địa chính số 22-2019 ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cho các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 và các thừa kế thế vị của bà Ngô Thị M (gồm Nguyễn Quang M, Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thanh H3) và bà Lê Thị C (gồm Trần Kiên P, Trần Thị Bích P1, Trần Thị Bích H2, Trần Kiên H1, Trần Hiếu C và Trần Thị Bích N). Ghi nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà L, bà T, bà T1 và các thừa kế thế vị của bà Ngô Thị M (gồm Nguyễn Quang M, Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thanh H3) và bà Lê Thị C (gồm Trần Kiên P, Trần Thị Bích P1, Trần Thị Bích H2, Trần Kiên H1, Trần Hiếu C và Trần Thị Bích N) tự chia với nhau phần đất diện tích 4.108,7m² nêu trên. Phần đất theo hình 10-7-6-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21, có vị trí và số đo các cạnh như sau:

Cạnh 10-7 = 22m; cạnh 7-6 = 87,62m; cạnh 6-11 = 5,73m; cạnh 11-12 = 6,46m; cạnh 12-13 = 5,90m; cạnh 13-14 = 6,05; cạnh 14-15 = 19,24m; cạnh 15-16 =

7,22m; cạnh 16-17 = 23,09m; cạnh 17 -18 = 22,48m; cạnh 18-19 = 17m; cạnh 19-20 = 25,89m; cạnh 20-21= 92,33m; cạnh 21-10 = 29,54m.

- Chia thừa kế phần đất diện tích một nền nhà diện tích 110m² và phần diện tích 3.999,8m² tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và trích đo địa chính số 22-2019 ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cho bà Lê Thị Mỹ H. Phần đất diện tích 110m² bà H được nhận theo hình 10-9-8-7, vị trí và số đo các cạnh như sau: Cạnh 10-9 = 5,0m; cạnh 9-8 = 22,12m; cạnh 8-7 = 5,0m; cạnh 7-10 = 22m.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mỹ H đồng ý giao phần diện tích 3.999,8m² tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và trích đo địa chính số 22-2019 ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cho ông Trịnh Văn G được toàn quyền quản lý, sử dụng. Phần đất ông G được nhận theo hình 1-2-3-4-5-6-7-8-9, vị trí và số đo các cạnh như sau: cạnh 1-2 = 59,07m; cạnh 2-3 = 34,09m; cạnh 3-4 = 12,57m; cạnh 4-5 = 19,94m; cạnh 5-6 = 17,87m; cạnh 6-7 = 87,62m; cạnh 7-8 = 5m; cạnh 8-9 = 22,12m; cạnh 9-1 = 32,51m.

(Vị trí và số đo các cạnh theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và trích đo địa chính số 22-2019 ngày 05/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P).

2- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất thỏa thuận các cây trồng trên phần đất ai được nhận thì người đó được quản lý, sử dụng, không yêu cầu Tòa án xem xét.

3- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mỹ H tự nguyện và cam kết sẽ di dời toàn bộ căn nhà trên đất hiện tại để giao lại phần đất cho phía bà L trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà H không có yêu cầu hỗ trợ di dời và cam kết không có khiếu nại gì.

4- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 845604, số vào sổ QCC 000015 QSDĐ/97/D-UB ngày 31/3/2004 đứng tên bà Lê Thị Mỹ H phần đất tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang để cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích và vị trí nêu cho các đương sự khi có yêu cầu.

Ông G có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để các đương sự thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

5- Về án phí:

- Bà Lê Thị L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc đối tượng người cao tuổi. Do bà L, bà T, bà T1 đã nộp theo bản án dân sự phúc thẩm số 144/2013/DS-PT ngày 04/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên bà L được nhận lại số tiền 18.500.000đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), bà T1 nhận lại số tiền 37.100.000đồng (ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng), bà T nhận lại số tiền là 18.500.000đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Mỹ H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc đối tượng người cao tuổi. Do bà H đã nộp theo bản án dân sự phúc thẩm số 144/2013/DS-PT ngày 04/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên bà H được nhận lại số tiền 38.106.340đồng (ba mươi tám triệu một trăm lẻ sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Bà B tự nguyện chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chia của các thừa kế thế vị của bà Ngô Thị M là 10.957.000đồng. Do bà B đã nộp theo bản án dân sự phúc thẩm số 144/2013/DS-PT ngày 04/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên được nhận lại số tiền 7.543.000đồng (bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ông P tự nguyện chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chia của các thừa kế thế vị của bà Lê Thị C là 10.957.000đồng. Do ông P đã nộp theo bản án dân sự phúc thẩm số 144/2013/DS-PT ngày 04/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định thi hành án của

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên được nhận lại số tiền 7.543.000đồng (bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn G sẽ chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm không có giá gạch là 150.000đồng. Được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 300.000đồng (do ông D nộp thay) theo lai thu số 0001032 ngày 22/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang nên được nhận lại số tiền 150.000đồng (một trăm năm chục nghìn đồng).

Các đương sự liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang để làm thủ tục nhận lại tiền tạm ứng án phí, án phí.

6- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo địa chính 4.000.000đồng, ông G tự nguyện nộp 2.000.000đồng (hai triệu đồng), bà L tự nguyện nộp 2.000.000đồng (hai triệu đồng), các đương sự đã nộp xong.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhiên